TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 17/8/2017
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Triệu Khánh Long
2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Minh Tuấn, Thẩm tra viên Toà án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa: Ông **Hồ Văn Phân** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 51/2017/TLST-HNGĐ ngày 22/3/2017, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2017/QĐST-HNGĐ ngày 13/7/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Triệu Thị Thu H**, sinh năm 1985 (có mặt)
Địa chỉ: Đường Đinh Tiên H, phường T, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Văn N,** sinh năm 1980 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp S, xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 22/3/2017, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Triệu Thị Thu H trình bày:

Vào năm 2010, bà với ông Nguyễn Văn N bắt đầu tìm hiểu và sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 18/11/2013. Sau khi sống chung, bà với ông N đi lên thành phố Hồ Chí Minh làm thuê. Thời gian đầu, hai vợ chồng sống với nhau có hạnh phúc và có với nhau một đứa con chung tên: Nguyễn Thị Kim N, giới tính: Nữ, sinh ngày 07/11/2012. Đến năm 2014, ông N không lo làm ăn, chỉ đam mê cờ bạc, không có trách nhiệm với vợ con. Do đó, giữa bà với ông N thường xuyên tranh chấp cãi vã.

Bà đã nhiều lần khuyên nhưng ông N không thay đổi mà còn có hành vi đánh đập bà. Từ năm 2014, giữa bà với ông N không còn sống chung với nhau và đến năm 2016 bà về nhà cha mẹ ruột của bà có địa chỉ nêu trên, còn ông N về nhà cha mẹ của ông tại xã H, mạnh ai nấy sinh sống cho đến nay.

Nay bà nhận thấy giữa bà với ông N không thể hàn gắn được với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

Về con chung: Từ khi bà với ông N không còn sống chung cho đến nay thì cháu Nguyễn Thị Kim N, giới tính: Nữ, sinh ngày 07/11/2012 do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngọc đến đủ 18 tuổi mà không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn N, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và thông báo các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa xét xử nhưng ông N đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến thời điểm tranh luận tại phiên tòa, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, đối với bị đơn tại phiên tòa hôm nay mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, biên bản ghi lời khai, quá trình tranh tụng tại phiên tòa cho thấy: Tình trạng hôn nhân giữa bà Triệu Thị Thu H với ông Nguyễn Văn N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, các bên đương sự hiện không còn chung sống và không quan tâm chăm sóc lẫn nhau từ năm 2014 cho đến nay. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cho bà H được ly hôn với ông N, các mối quan hệ còn lại giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Sau khi Toà án tiến hành thụ lý vụ án về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của bà Triệu Thị Thu H theo thủ tục chung, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn biết để có ý kiến, nhưng bị đơn không có ý kiến, Toà án đã tiến hành thông báo cho bị đơn hai lần đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên

việc hoà giải không tiến hành được. Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn N.

Xét yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Triệu Thị Thu H:

Về quan hệ hôn nhân của bà H và ông N không vi phạm các điều kiện kết hôn và sau khi sống chung hai người có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa bà H với ông N phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, thiếu quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tại phiên tòa bà H vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu xin được ly hôn với ông N. Mặc khác, giữa bà H với ông N hiện hai người không còn sống chung với nhau từ năm 2014 cho đến nay. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông N.

Về con chung: Đối với cháu Nguyễn Thị Kim N, giới tính: Nữ, sinh ngày 07/11/2012 từ năm 2014 cho đến nay do bà H chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, để ổn định về mặt tâm lý cho cháu N nên Hội đồng xét xử giao cháu N cho bà H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con bà H không yêu cầu ông N cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Dành quyền thăm nom con chung cho ông Nguyễn Văn N, không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Lời đề nghị của Vị Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà Triệu Thị Thu H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 5, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 36, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 271, Khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Khoản 2 Điều 81, Khoản 1, 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Bà Triệu Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

2/. Về con chung: Bà Triệu Thị Thu H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Kim N, giới tính: Nữ, sinh ngày 07/11/2012 đến đủ 18 tuổi, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom con chung cho ông Nguyễn Văn N, không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về án phí: Bà Triệu Thị Thu H phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0005462 ngày 22/3/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà H đã nộp xong tiền án phí hôn nhân.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã H, TX C;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Đua